



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ TIN HỌC VIỆT NAM**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016**

---

**Tháng 8 năm 2016**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	1
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	8 - 27



## BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét của Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Quốc Huy	Chủ tịch
Ông Vũ Hải Vĩnh	Ủy viên
Bà Đỗ Thị Thuý Hương	Ủy viên
Ông Lưu Hoàng Long	Ủy viên
Ông Nguyễn Anh Tùng	Ủy viên

#### Ban Điều hành

Ông Lưu Hoàng Long	Tổng Giám đốc
Ông Vũ Hải Vĩnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Mạnh Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Đông	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Dương Ngọc Duy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trung Dũng	Kế toán trưởng

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập các báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Điều hành được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Điều hành Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Ban Điều hành xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Điều hành,



**Lưu Hoàng Long**  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2016



Số: 265/VACO/BCSX.NV2

**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành  
Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam (gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 15/08/2016 từ trang 04 đến trang 27, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Điều hành**

Ban Điều hành Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi tiến hành cuộc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ**

Chúng tôi chưa thu thập được báo cáo tài chính của các công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết và các khoản đầu tư dài hạn khác của Tổng Công ty, do đó chúng tôi không có đủ căn cứ để đánh giá dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư tài chính (nếu có). Tổng Công ty chưa hoàn nhập dự phòng giảm giá khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Vietronics Tân Bình, giá trị khoảng 6,6 tỷ đồng.

Tổng Công ty chưa ghi nhận các nghiệp vụ liên quan đến giao dịch bán khoản đầu tư và các khoản nợ liên quan đến Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin Genpacific. Nếu ghi nhận các nghiệp vụ này thì lợi nhuận kế toán trước thuế tăng khoảng 11,6 tỷ đồng, tổng tài sản giảm khoảng 56,3 tỷ đồng, công nợ phải trả giảm khoảng 68 tỷ đồng.

**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

**Kết luận ngoại trừ**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được mô tả tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2016, và kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



---

**Bùi Ngọc Bình**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Số Giấy CN-ĐKHN kiểm toán số: 0657-2015-156-1

*Thay mặt và đại diện cho*  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**  
*Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2016*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

**MẪU B 01a-DN**  
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>377.206.602.859</b>	<b>260.597.125.454</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>166.797.407.950</b>	<b>99.835.224.043</b>
1. Tiền	111		13.865.002.527	17.002.818.620
2. Các khoản tương đương tiền	112		152.932.405.423	82.832.405.423
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5</b>	<b>243.000.000</b>	<b>243.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		243.000.000	243.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>203.089.486.516</b>	<b>154.131.380.412</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	110.252.275.054	68.706.101.707
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	13.160.851.517	13.245.952.352
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5	57.022.455.177	57.022.455.177
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	34.173.148.341	26.676.114.749
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(11.519.243.573)	(11.519.243.573)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>10</b>	<b>2.967.699.762</b>	<b>2.337.554.640</b>
1. Hàng tồn kho	141		2.967.699.762	2.337.554.640
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>4.109.008.631</b>	<b>4.049.966.359</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		252.679.648	251.424.599
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.824.445.872	3.771.400.544
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	31.883.111	27.141.216
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>364.408.107.554</b>	<b>368.033.668.653</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>49.538.704</b>	<b>109.968.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216		49.538.704	109.968.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>60.813.248.116</b>	<b>62.256.810.534</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	43.044.108.113	44.487.670.531
- Nguyên giá	222		57.710.027.009	57.710.027.009
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(14.665.918.896)	(13.222.356.478)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	17.769.140.003	17.769.140.003
- Nguyên giá	228		18.109.230.400	18.109.230.400
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(340.090.397)	(340.090.397)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>13</b>	<b>5.075.157.760</b>	<b>5.075.157.760</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		5.075.157.760	5.075.157.760
<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5</b>	<b>297.792.254.470</b>	<b>299.592.254.470</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		333.841.300.745	333.841.300.745
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		40.122.608.312	40.122.608.312
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		8.389.354.337	10.189.354.337
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(84.561.008.924)	(84.561.008.924)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>677.908.504</b>	<b>999.477.889</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		677.908.504	999.477.889
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>741.614.710.413</b>	<b>628.630.794.107</b>

Các thuyết minh từ trang 08 đến trang 27 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**  
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

**MẪU B 01a-DN**  
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>217.830.398.174</b>	<b>106.891.669.761</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>217.830.398.174</b>	<b>106.725.514.761</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	84.047.380.787	56.840.902.326
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	15	29.614.997.978	9.584.099.124
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	2.209.581.343	2.238.121.296
4. Phải trả người lao động	314		3.595.902.600	4.834.114.696
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	352.454.593
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		1.360.155.750	1.617.057.000
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	93.424.720.007	27.653.944.370
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18	150.857.485	1.151.339.079
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.426.802.224	2.453.482.277
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>166.155.000</b>
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	166.155.000
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>523.784.312.239</b>	<b>521.739.124.346</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>19</b>	<b>523.784.312.239</b>	<b>521.804.124.346</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		438.000.000.000	438.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		438.000.000.000	438.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		38.679.596.792	34.299.596.792
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		47.104.715.447	49.504.527.554
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		42.549.672.182	46.159.921.195
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		4.555.043.265	3.344.606.359
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>(65.000.000)</b>
1. Nguồn kinh phí	431		-	(65.000.000)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>741.614.710.413</b>	<b>628.630.794.107</b>



**Lưu Hoàng Long**  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2016

**Nguyễn Trung Dũng**  
Kế toán trưởng

**Vũ Văn Tuấn**  
Người lập biểu



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

MẪU B 02a-DN  
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	80.204.964.788	45.725.507.022
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		80.204.964.788	45.725.507.022
4. Giá vốn hàng bán	11	21	78.386.530.738	43.264.433.046
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		1.818.434.050	2.461.073.976
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	15.010.100.785	15.624.451.825
7. Chi phí tài chính	22		21.681.566	113.415.585
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		21.681.566	113.415.585
8. Chi phí bán hàng	25		246.949.809	380.078.260
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	12.162.229.627	7.633.737.810
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		4.397.673.833	9.958.294.146
11. Thu nhập khác	31		251.852.932	229.500.000
12. Chi phí khác	32		94.483.500	97.750.002
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		157.369.432	131.749.998
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		4.555.043.265	10.090.044.144
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	26	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		4.555.043.265	10.090.044.144



Lưu Hoàng Long  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2016

Nguyễn Trung Dũng  
Kế toán trưởng

Vũ Văn Tuấn  
Người lập biểu


**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**  
(Theo phương pháp trực tiếp)  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016


MẪU B 03-DN  
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	66.080.890.855	121.254.661.130
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(62.360.742.321)	(65.552.647.654)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(8.852.870.221)	(4.310.644.007)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	-	(303.824.953)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	1.195.384.070	6.360.676.196
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(4.816.673.159)	(16.276.913.162)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(8.754.010.776)</b>	<b>41.171.307.550</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	-	(421.235.208)
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	800.000.000
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	4.680.381.601
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	70.008.039.930	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	6.754.784.635	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>76.762.824.565</b>	<b>5.059.146.393</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	-	1.063.588.479
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.000.481.594)	(45.111.598.535)
3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	(399.508.250)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(27.716.250)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(1.028.197.844)</b>	<b>(44.447.518.306)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>66.980.615.945</b>	<b>1.782.935.637</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>99.835.224.043</b>	<b>122.435.938.453</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(18.432.038)	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>166.797.407.950</b>	<b>124.218.874.090</b>



Lưu Hoàng Long  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2016

  
Nguyễn Trung Dũng  
Kế toán trưởng

  
Vũ Văn Tuấn  
Người lập biểu

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam, tên giao dịch VIETNAM ELECTRONICS AND INFOMATICS JOINT STOCK CORPORATION, tên viết tắt là VEIC (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”), tiền thân là Tổng Công ty Điện tử và Tin học Việt Nam, được thành lập theo Quyết định số 1116/QĐ/TCCBHT ngày 27/10/1995 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng (nay là Bộ Công thương) và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 109811 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 23/11/1995. Tổng Công ty chuyển đổi hình thức sang Tổng Công ty Cổ phần theo Quyết định số 2511/QĐ-BCN ngày 14/9/2006 và Quyết định số 05/QĐ-BCN ngày 2/1/2007 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương) và chính thức hoạt động theo hình thức Tổng Công ty Cổ phần từ ngày 1/3/2007 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103016007 ngày 28/02/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Đăng ký thay đổi lần 4 ngày 25/11/2013.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 438.000.000.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 30/06/2016 là 117 người (tại ngày 01/01/2016 là 157 người).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

- Thiết kế, sản xuất, lắp ráp, chế tạo thiết bị, hệ thống thiết bị, linh kiện, chi tiết cấu kiện điện tử - tin học, thiết bị viễn thông, điện tử y tế, điện tử - tự động hóa, điện máy gia dụng và chuyên dùng;
- Sản xuất kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu thiết bị, sản phẩm, linh kiện, chi tiết, vật tư liên quan đến ngành điện tử - tin học, thiết bị viễn thông, điện tử y tế và điện máy;
- Thực hiện các dịch vụ trong lĩnh vực điện tử và công nghệ thông tin (nghiên cứu đào tạo, chuyên giao công nghệ thông tin, nghiên cứu đào tạo, chuyển giao công nghệ, tư vấn đầu tư, xây lắp, bảo trì, làm đại lý, nhà phân phối cho các Tổng Công ty trong và ngoài nước);
- Kinh doanh bất động sản và văn phòng cho thuê;
- Và các ngành nghề kinh doanh khác.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Cấu trúc của Tổng Công ty**

Đơn vị trực thuộc: Trường Cao đẳng Công nghệ Viettronics.

Công ty con: Tổng Công ty có 8 công ty con.

Công ty liên kết: Tổng Công ty có 4 công ty liên kết.

Công ty liên doanh: Tổng Công ty có 1 công ty liên doanh.

Chi tiết xem thêm Thuyết minh số 6 “Các khoản đầu tư tài chính”.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch. Báo cáo này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016.

**Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ:

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính, yêu cầu Ban Điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Điều hành, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản chi phí phải trả.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Các khoản đầu tư tài chính**

***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

***Các khoản cho vay***

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

***Đầu tư vào công ty con***

Công ty con là các công ty do Tổng Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

***Góp vốn liên doanh***

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

***Đầu tư vào công ty liên kết***

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Tổng Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Tổng Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Tổng Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp", Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**  
*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

MẪU B 09-DN

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác**

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	20 - 25
Phương tiện vận tải	10
Thiết bị quản lý	03 - 05

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất vô thời hạn nên không thực hiện trích khấu hao.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Tiếp theo)**

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**Ngoại tệ**

Tổng Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản phương pháp dựa trên bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả kinh doanh và chỉ được ghi vào vốn chủ sở hữu nếu liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Tại ngày 30/06/2016, Tổng Công ty còn khoản lỗ kế toán là 31.117.818.376 đồng; Khoản lỗ có thể sử dụng để chuyển lỗ vào các năm tiếp theo, nhưng không quá 5 năm kể từ năm phát sinh lỗ. Tuy nhiên, Tổng Công ty không ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ khoản chuyển lỗ này do Tổng Công ty không chắc chắn về kế hoạch lợi nhuận trong tương lai

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	301.378.411	363.715.352
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	13.563.624.116	16.639.103.268
Các khoản tương đương tiền (i)	152.932.405.423	82.832.405.423
<b>Cộng</b>	<b>166.797.407.950</b>	<b>99.835.224.043</b>

Ghi chú: (i) Các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng

**5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>57.265.455.177</b>	<b>57.265.455.177</b>	<b>57.265.455.177</b>	<b>57.265.455.177</b>
- Tiền gửi có kỳ hạn	243.000.000	243.000.000	243.000.000	243.000.000
- Các khoản cho vay (i)	57.022.455.177	57.022.455.177	57.022.455.177	57.022.455.177
Công ty CP Viettronics Công nghiệp	21.279.631.582	21.279.631.582	21.279.631.582	21.279.631.582
Công ty CP Công trình Viettronics	6.506.823.595	6.506.823.595	6.506.823.595	6.506.823.595
Công ty CP Công nghệ Thông tin Genpacific	29.236.000.000	29.236.000.000	29.236.000.000	29.236.000.000
<b>Cộng</b>	<b>57.265.455.177</b>	<b>57.265.455.177</b>	<b>57.265.455.177</b>	<b>57.265.455.177</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Dài hạn	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND
- Đầu tư vào công ty con	333.841.300.745	(83.284.413.787)	250.556.886.958	333.841.300.745
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	40.122.608.312	(1.276.595.137)	38.846.013.175	40.122.608.312
- Đầu tư vào đơn vị khác;	8.389.354.337		8.389.354.337	10.189.354.337
<b>Cộng</b>	<b>382.353.263.394</b>	<b>(84.561.008.924)</b>	<b>297.792.254.470</b>	<b>384.153.263.394</b>

	30/06/2016		01/01/2016	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
<b>Đầu tư vào Công ty con</b>		<b>333.841.300.745</b>		<b>333.841.300.745</b>
Công ty CP Viettronics Đồng Đa	1.123.600	11.372.554.053	1.123.600	11.372.554.053
Công ty CP Điện tử Thủ Đức	6.693.700	75.462.731.429	6.693.700	75.462.731.429
Công ty CP Điện tử Bình Hoà	1.479.000	15.198.723.728	1.479.000	15.198.723.728
Công ty CP Công nghệ Thông tin Genpacific	2.295.000	22.950.000.000	2.295.000	22.950.000.000
Công ty CP Viettronics Tân Bình	6.654.960	133.226.370.342	6.654.960	133.226.370.342
Công ty CP Điện tử Biên Hoà	306.000	35.073.921.193	306.000	35.073.921.193
Công ty CP Viettronics Công nghiệp	2.755.700	27.557.000.000	2.755.700	27.557.000.000
Công ty CP Công trình Viettronics	1.300.000	13.000.000.000	1.300.000	13.000.000.000
<b>Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh</b>		<b>40.122.608.312</b>		<b>40.122.608.312</b>
<i>Đầu tư vào Công ty liên kết</i>				
Công ty CP Máy tính và Truyền thông VN	2.142.000	21.684.417.517	2.142.000	21.684.417.517
Công ty CP Viettronimex	108.689	13.987.729.333	108.689	13.987.729.333
Công ty CP Cơ khí Điện tử Phú Thọ Hoà	20.665	2.278.518.130	20.665	2.278.518.130
Công ty CP Máy tính Việt Nam	8.555	895.348.195	8.555	895.348.195
<i>Góp vốn liên danh</i>				
Công ty LD Điện tử Y tế Kỹ thuật cao Amec		1.276.595.137		1.276.595.137

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

	30/06/2016		01/01/2016	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
<b>Đầu tư dài hạn khác</b>		<b>8.389.354.337</b>		<b>10.189.354.337</b>
Công ty Bê tông ly tâm Thủ Đức	524.000	5.240.000.000	524.000	5.240.000.000
Công ty CP Điện tử và Viễn Thông Nghệ An	-	-	180.000	1.800.000.000
Công ty CP Điện tử Hải Phòng	311.100	3.149.354.337	311.100	3.149.354.337
<b>Cộng</b>		<b>382.353.263.394</b>		<b>384.153.263.394</b>
<b>Tên công ty con</b>	<b>Nơi thành lập (Hoặc đăng ký) và hoạt động</b>	<b>Tỷ lệ sở hữu %</b>	<b>Tỷ lệ biểu quyết %</b>	
Công ty CP Viettronics Đồng Đa	Hà Nội	51,07%	51,07%	
Công ty CP Điện tử Thủ Đức	Thành phố Hồ Chí Minh	97,01%	97,01%	
Công ty CP Điện tử Bình Hoà	Thành phố Hồ Chí Minh	51,00%	51,00%	
Công ty CP CN Thông tin Genpacific	Thành phố Hồ Chí Minh	51,00%	51,00%	
Công ty CP Viettronics Tân Bình	Thành phố Hồ Chí Minh	55,54%	55,54%	
Công ty CP Điện tử Biên Hoà	Thành phố Hồ Chí Minh	51,00%	51,00%	
Công ty CP Viettronics Công nghiệp	Hà Nội	91,86%	91,86%	
Công ty CP Công trình Viettronics	Hà Nội	65,00%	65,00%	
<b>Tên công ty liên danh, liên kết</b>	<b>Nơi thành lập (Hoặc đăng ký) và hoạt động</b>	<b>Tỷ lệ sở hữu %</b>	<b>Tỷ lệ biểu quyết %</b>	
<b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>				
Công ty CP Viettronimex	Thành phố Hồ Chí Minh	46,25%	46,25%	
Công ty CP Cơ khí Điện tử Phú Thọ Hoà	Thành phố Hồ Chí Minh	33,77%	33,77%	
Công ty CP Máy tính Việt Nam	Thành phố Hồ Chí Minh	28,50%	28,50%	
Công ty CP Máy tính và Truyền thông VN	Hà Nội	35,70%	35,70%	
<b>Góp vốn liên danh</b>				
Công ty LD Điện tử y tế KT cao Amec	Hà Nội	49,00%	49,00%	

**Tóm tắt tình hình hoạt động công ty con, công ty liên doanh, liên kết trong năm**

Các công ty con, công ty liên doanh, liên kết trong kỳ chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh hàng điện tử, lắp đặt và xây dựng, thương mại.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)** MẪU B 09-DN  
*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
<b>a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>110.252.275.054</b>	<b>68.706.101.707</b>
Ban QLDA các công trình điện Miền Trung	43.617.338.340	7.092.863.276
Công ty Cổ phần thủy điện Bắc Hà	24.941.406.003	26.341.406.003
Ban quản lý dự án phát triển điện lực	19.292.405.811	701.851.000
Ban quản lý Dự án thủy điện 7	7.095.099.191	7.095.099.191
Công ty TNHH Bệnh viện đa khoa Phú Thọ	2.800.000.000	2.800.000.000
Các đối tượng khác	12.506.025.709	24.674.882.237
<b>b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</b>	<b>65.276.464</b>	<b>65.788.580</b>
Công ty cổ phần Công trình Viettronics	-	30.500.000
Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình	65.276.464	35.288.580

**7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Công ty TNHH DV - TM Ngân Thịnh	4.854.351.000	4.854.351.000
Công ty TNHH công nghệ và thương mại Sao Bắc	2.432.281.500	-
Công ty TNHH MTV TM và DV Dầu khí Biển	1.929.533.179	3.106.852.592
Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Trung Ngọc	1.513.292.253	-
Công ty TNHH viễn Thông IPN	1.329.317.974	-
Các đối tượng khác	1.102.075.611	5.284.748.760
<b>Cộng</b>	<b>13.160.851.517</b>	<b>13.245.952.352</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**8. PHẢI THU KHÁC**

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>34.173.148.341</b>	<b>(3.864.892.573)</b>	<b>26.676.114.749</b>	<b>(3.864.892.573)</b>
- Ký cược, ký quỹ	-	-	194.607.320	-
- Tạm ứng	2.852.207.220	-	2.697.810.829	-
- Phải thu khác:	31.320.941.121	(3.864.892.573)	23.783.696.600	(3.864.892.573)
+ Công ty CP Viettronics Công nghiệp	9.747.814.034	-	9.725.648.011	-
+ Công ty CP Công nghệ Thông tin Genpacific	7.989.288.373	(1.525.548.612)	7.989.288.373	(1.525.548.612)
+ Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình	6.654.960.000	-	-	-
+ Thu từ cán bộ công nhân viên đất Long An	2.694.230.000	-	2.694.230.000	-
+ Công ty TNHH Dịch vụ - Thương mại Ngân Thịnh	2.107.997.573	(2.107.997.573)	2.107.997.573	(2.107.997.573)
+ Các đối tượng khác	2.126.651.141	(231.346.388)	1.266.532.643	(231.346.388)
<b>Phải thu khác là các bên liên quan</b>				
Công ty CP Viettronics Công nghiệp	9.747.814.034	-	9.725.648.011	-
Công ty CP Công nghệ Thông tin Genpacific	7.989.288.373	(1.525.548.612)	7.989.288.373	(1.525.548.612)
Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình	6.654.960.000	-	-	-
Trường Cao đẳng Công nghệ Viettronics	918.003.472	-	918.003.472	-
Công ty CP Viettronimex	761.181.674	-	-	-
Công ty CP Công trình Viettronics	426.616.727	-	426.616.727	-
Công ty CP Điện tử Biên Hoà	309.051.054	-	309.051.054	-
Công ty CP Viettronics Đồng Đa	112.360.000	-	112.360.000	-
Công ty CP Máy tính & Truyền thông VN	18.480.000	-	-	-

**9. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI**

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Bệnh viện đa khoa	3.031.346.388	-	3.031.346.388	-
Công ty TNHH dịch vụ - thương mại Ngân Thịnh	6.962.348.573	-	6.962.348.573	-
Công ty CP CN Thông tin Genpacific - phải thu lãi vay	1.525.548.612	-	1.525.548.612	-
<b>Cộng</b>	<b>11.519.243.573</b>	<b>-</b>	<b>11.519.243.573</b>	<b>-</b>

**10. HÀNG TỒN KHO**

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.913.579.762	-	2.283.434.640	-
Hàng hóa	54.120.000	-	54.120.000	-
<b>Cộng</b>	<b>2.967.699.762</b>	<b>-</b>	<b>2.337.554.640</b>	<b>-</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**  
*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

MẪU B 09-DN

**11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Tại ngày 01/01/2016	50.100.632.438	6.669.076.171	940.318.400	57.710.027.009
Tại ngày 30/06/2016	50.100.632.438	6.669.076.171	940.318.400	57.710.027.009
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Tại ngày 01/01/2016	7.682.406.376	4.867.511.722	672.438.380	13.222.356.478
Tăng trong năm	1.195.955.288	184.453.332	63.153.798	1.443.562.418
Khấu hao trong năm	1.195.955.288	184.453.332	63.153.798	1.443.562.418
Tại ngày 30/06/2016	8.878.361.664	5.051.965.054	735.592.178	14.665.918.896
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày 01/01/2016	42.418.226.062	1.801.564.449	267.880.020	44.487.670.531
Tại ngày 30/06/2016	41.222.270.774	1.617.111.117	204.726.222	43.044.108.113

Nguyên giá tài sản cố định hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2016 là 6.471.264.126 đồng (tại ngày 01/01/2016 là 6.946.581.273 đồng).

**12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại ngày 01/01/2016	17.769.140.000	340.090.400	18.109.230.400
Tại ngày 30/06/2016	17.769.140.000	340.090.400	18.109.230.400
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại ngày 01/01/2016	-	340.090.397	340.090.397
Tại ngày 30/06/2016	-	340.090.397	340.090.397
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 01/01/2016	17.769.140.000	3	17.769.140.003
Tại ngày 30/06/2016	17.769.140.000	3	17.769.140.003

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất vô thời hạn tại số 197 Nguyễn Thị Minh Khai, thành phố Hồ Chí Minh, quyền sử dụng đất vô thời hạn tại số 29 F Hai Bà Trưng, Hà Nội và quyền sử dụng đất vô thời hạn tại số 118 Cát Bi, quận Hải An, thành phố Hải Phòng với giá trị tại ngày 30/06/2016 là 17.769.140.000 đồng (tại ngày 01/01/2016 là 17.769.140.000 đồng).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)** MẪU B 09-DN  
*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG**

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>5.075.157.760</b>	<b>5.075.157.760</b>	<b>5.075.157.760</b>	<b>5.075.157.760</b>
Đầu tư công trình xây dựng cơ bản	5.075.157.760	5.075.157.760	5.075.157.760	5.075.157.760
<b>Trong đó:</b>				
Trụ sở TCT tại Cầu Giấy, HN	4.453.348.182	4.453.348.182	4.453.348.182	4.453.348.182
Công trình khác	621.809.578	621.809.578	621.809.578	621.809.578

**14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>84.047.380.787</b>	<b>84.047.380.787</b>	<b>56.840.902.326</b>	<b>54.630.011.226</b>
Công ty Cổ phần YOTEK	55.019.358.051	55.019.358.051	3.620.893.189	3.620.893.189
Công ty CP Viettronics Công nghiệp	22.665.758.504	22.665.758.504	27.594.791.993	27.594.791.993
Công ty Cổ phần thiết bị điện - VINACOMIN	1.111.829.000	1.111.829.000	2.223.658.000	2.223.658.000
Công ty TNHH Chongqing Water Turbine Works	1.367.400.300	1.367.400.300	1.367.400.300	1.367.400.300
Công ty CP UD và PT CN Thông	2.516.981.034	2.516.981.034	8.124.456.973	8.124.456.973
Các đối tượng khác	1.366.053.898	1.366.053.898	13.909.701.871	11.698.810.771
<b>b) Phải trả người bán là các bên liên quan</b>	<b>23.391.826.076</b>	<b>23.391.826.076</b>	<b>29.805.683.093</b>	<b>29.805.683.093</b>
Công ty CP Viettronics Công nghiệp	22.665.758.504	22.665.758.504	27.594.791.993	27.594.791.993
Công ty CP Công trình Viettronics Medda	726.067.572	726.067.572	726.067.572	726.067.572
	-	-	1.484.823.528	1.484.823.528

**15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</b>	<b>29.614.997.978</b>	<b>29.614.997.978</b>	<b>9.584.099.124</b>	<b>9.584.099.124</b>
Ban quản lý dự án các công trình điện Miền Bắc	9.791.967.632	9.791.967.632	-	-
Công ty CP đầu tư và xây dựng điện Long Hội	8.617.308.351	8.617.308.351	-	-
Văn phòng Tổng cục Thống Kê	2.970.000.000	2.970.000.000	-	-
Công ty Truyền tải Điện 2	2.889.191.268	2.889.191.268	-	-
Điện Miền Nam	-	-	3.176.740.879	3.176.740.879
Văn phòng Tổng cục Thống Kê	-	-	2.970.000.000	2.970.000.000
Ban quản lý dự án các công trình xây dựng của Đảng ở Trung Ương	-	-	2.773.000.000	2.773.000.000
Đối tượng khác	5.346.530.727	5.346.530.727	664.358.245	664.358.245

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	01/01/2016	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/06/2016
	VND	VND	VND	VND
<b>Phải nộp</b>	<b>2.238.121.296</b>	<b>7.830.094.125</b>	<b>7.858.634.078</b>	<b>2.209.581.343</b>
Thuế giá trị gia tăng	-	7.817.286.655	7.817.286.655	-
Thuế thu nhập cá nhân	70.834.096	9.807.470	38.347.423	42.294.143
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	2.167.287.200	-	-	2.167.287.200
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
<b>Phải thu</b>	<b>27.141.216</b>	<b>160.308.988</b>	<b>165.050.883</b>	<b>31.883.111</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	27.141.216	-	-	27.141.216
Thuế thu nhập cá nhân	-	160.308.988	165.050.883	4.741.895

**17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC**

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>93.424.720.007</b>	<b>27.653.944.370</b>
Bảo hiểm xã hội	93.446.731	37.869.250
Tiền thanh toán chuyển nhượng cổ phần	68.028.039.930	-
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	21.971.956.765	24.203.481.765
Phải trả CBCNV - tiền ứng trước mua đất	1.302.400.000	1.302.400.000
Các khoản phí sinh viên do trường thu	2.003.876.581	2.085.193.355
Các khoản phải trả, phải nộp khác	25.000.000	25.000.000
<b>Phải trả khác là các bên liên quan</b>	<b>23.782.510.330</b>	<b>26.014.035.330</b>
Cổ tức, lợi nhuận phải trả bên liên quan	21.971.956.765	24.203.481.765
Công ty CP Công trình Viettronics	902.512.848	902.512.848
Công ty CP Viettronics Công nghiệp	757.875.506	757.875.506
Công ty CP Viettronics Đồng Đa	150.165.211	150.165.211





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

Ghi chú:

- (i) Tổng Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2015 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 01 NQ/ĐT-ĐHĐCĐ ngày 21/06/2016 trong đó:
- Quỹ đầu tư phát triển: 4.380.000.000 đồng
  - Quỹ khen thưởng phúc lợi: 2.574.855.372 đồng

**Vốn điều lệ**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103016007 ngày 28/02/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Đăng ký thay đổi lần 4 ngày 25/11/2013. Tại ngày 30/06/2016, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp như sau:

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Vốn góp của nhà nước	385.308.600.000	385.308.600.000
Vốn góp của các đối tượng khác	52.691.400.000	52.691.400.000
<b>Cộng</b>	<b><u>438.000.000.000</u></b>	<b><u>438.000.000.000</u></b>

**20. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<u>Từ 01/01/2016</u> <u>đến 30/06/2016</u>	<u>Từ 01/01/2015</u> <u>đến 30/06/2015</u>
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	77.701.469.607	42.124.774.350
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.503.495.181	3.600.732.672
<b>Cộng</b>	<b><u>80.204.964.788</u></b>	<b><u>45.725.507.022</u></b>

**21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<u>Từ 01/01/2016</u> <u>đến 30/06/2016</u>	<u>Từ 01/01/2015</u> <u>đến 30/06/2015</u>
	VND	VND
Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ	76.606.342.299	41.055.442.761
Giá vốn dịch vụ	1.780.188.439	2.208.990.285
<b>Cộng</b>	<b><u>78.386.530.738</u></b>	<b><u>43.264.433.046</u></b>

**22. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<u>Từ 01/01/2016</u> <u>đến 30/06/2016</u>	<u>Từ 01/01/2015</u> <u>đến 30/06/2015</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	76.232.614.487	40.884.378.370
Chi phí nhân công	8.149.067.028	4.038.611.424
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.443.562.418	815.030.385
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.839.558.677	3.450.591.908
Chi phí khác bằng tiền	761.052.686	2.173.725.799
<b>Cộng</b>	<b><u>91.425.855.296</u></b>	<b><u>51.362.337.886</u></b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)** **MÃU B 09-DN**  
*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.288.648.257	4.876.983.825
Cổ tức, lợi nhuận được chia	13.538.203.000	-
Lãi bán các khoản đầu tư	180.000.000	10.747.468.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	3.249.528	-
<b>Cộng</b>	<b>15.010.100.785</b>	<b>15.624.451.825</b>

**24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
	VND	VND
Chi phí nhân công	7.136.432.500	2.862.629.458
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.310.175.631	661.004.931
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.646.793.609	2.494.758.670
Chi phí khác bằng tiền	1.068.827.887	1.615.344.751
	<b>12.162.229.627</b>	<b>7.633.737.810</b>

**25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
	VND	VND
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	4.555.043.265	10.090.044.144
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(4.555.043.265)	(10.747.468.000)
Trừ: Doanh thu không chịu thuế	(180.000.000)	(10.747.468.000)
Chuyển lỗ các năm trước	(4.375.043.265)	-
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>-</b>	<b>(657.423.856)</b>
Thuế suất	20%	22%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI**

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận liên quan đến các khoản mục sau:

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Các khoản lỗ tính thuế chưa được trừ chuyển lỗ	31.117.818.376	35.492.861.641
	<b>Tình trạng quyết toán</b>	<b>Các khoản lỗ tính thuế</b>
Năm hết hạn		VND
2019	Chưa quyết toán	30.172.428.980
2020	Chưa quyết toán	945.389.396
		<b>31.117.818.376</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Tổng Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 18 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của chủ các cổ đông (bao gồm vốn góp, quỹ đầu tư phát triển, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

*Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2016 như sau:

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Các khoản vay	150.857.485	1.151.339.079
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(166.797.407.950)	(99.835.224.043)
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	523.784.312.239	521.804.124.346
<b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b>	<u>0,0%</u>	<u>0,0%</u>

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

**Các loại công cụ tài chính**

	<b>Giá trị ghi sổ</b>	
	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	166.797.407.950	99.835.224.043
Phải thu khách hàng và phải thu khác	132.955.718.526	83.972.940.883
Đầu tư tài chính ngắn hạn	57.265.455.177	-
Đầu tư tài chính dài hạn khác	8.389.354.337	10.189.354.337
<b>Tổng cộng</b>	<u>365.407.935.990</u>	<u>193.997.519.263</u>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	150.857.485	1.151.339.079
Phải trả người bán và phải trả khác	177.472.100.794	84.494.846.696
Chi phí phải trả	-	352.454.593
<b>Tổng cộng</b>	<u>177.622.958.279</u>	<u>85.998.640.368</u>

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Tổng Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Tổng Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

**Quản lý rủi ro tỷ giá**

Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Tổng Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

**Quản lý rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất của Tổng Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi và các khoản vay. Tổng Công ty chịu rủi ro khi lãi suất biến động. Rủi ro này sẽ do Tổng Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản tiền gửi, tiền vay với lãi suất cố định và lãi suất thả nổi, phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường, theo dõi sự biến động của nền kinh tế trong nước và thế giới để có được các lãi suất có lợi cho Tổng Công ty và sử dụng các đòn bẩy tài chính hiệu quả.

**Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu**

Các cổ phiếu do Tổng Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Tổng Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v.

Tổng Công ty cũng chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết. Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con và công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tổng Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

**Quản lý rủi ro về giá hàng hóa**

Tổng Công ty mua hàng hóa để phục vụ hoạt động kinh doanh, nên Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của hàng hóa. Tổng Công ty quản lý rủi ro hàng hóa bằng việc theo dõi và phân tích thông tin liên quan đến thị trường hàng hóa mà Tổng Công ty kinh doanh nhằm mục đích phục vụ cho thời điểm mua bán hàng hóa, kế hoạch kinh doanh và xác định mức tồn kho hợp lý. Tổng Công ty chưa sử dụng các công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa các rủi ro về hàng hóa.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

***Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc một hợp đồng mà khách hàng không thực hiện nghĩa vụ của mình, nên làm cho Tổng Công ty bị tổn thất về tài chính. Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro tín dụng chủ yếu đối với các khoản phải thu và từ hoạt động tài chính như tiền gửi ngân hàng.

Đối với các khoản phải thu khách hàng: Tổng Công ty quản lý rủi ro đối với các khoản phải thu dựa trên các chính sách, thủ tục kiểm soát cũng như dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tổng Công ty theo dõi chặt chẽ các khoản phải thu, phân tích tình hình tín dụng của từng khách hàng tại từng thời điểm.

Đối với tiền gửi ngân hàng: Tổng Công ty duy trì thực hiện gửi tiền tại ngân hàng mà Tổng Công ty đánh giá là có uy tín và có quan hệ lâu năm với Tổng Công ty.

***Quản lý rủi ro thanh khoản***

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<b>Dưới 1 năm</b>	<b>Từ 1 - 5 năm</b>	<b>Tổng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Tại ngày 30/06/2016</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	166.797.407.950	-	166.797.407.950
Phải thu khách hàng và phải thu khác	132.955.718.526	-	132.955.718.526
Đầu tư tài chính ngắn hạn	57.265.455.177	-	57.265.455.177
Đầu tư tài chính dài hạn khác	-	8.389.354.337	8.389.354.337
<b>Tổng cộng</b>	<b>357.018.581.653</b>	<b>8.389.354.337</b>	<b>365.407.935.990</b>
<b>Tại ngày 30/06/2016</b>			
Các khoản vay	150.857.485	-	150.857.485
Phải trả người bán và phải trả khác	177.472.100.794	-	177.472.100.794
Chi phí phải trả	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>177.622.958.279</b>	<b>-</b>	<b>177.622.958.279</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>179.395.623.374</b>	<b>8.389.354.337</b>	<b>187.784.977.711</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Tại ngày 01/01/2016</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	99.835.224.043	-	99.835.224.043
Phải thu khách hàng và phải thu khác	83.972.940.883	-	83.972.940.883
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-
Đầu tư tài chính dài hạn khác	-	10.189.354.337	10.189.354.337
<b>Tổng cộng</b>	<b>183.808.164.926</b>	<b>10.189.354.337</b>	<b>193.997.519.263</b>
<b>Tại ngày 01/01/2016</b>			
Các khoản vay	1.151.339.079	-	1.151.339.079
Phải trả người bán và phải trả khác	84.494.846.696	-	84.494.846.696
Chi phí phải trả	352.454.593	-	352.454.593
<b>Tổng cộng</b>	<b>85.998.640.368</b>	<b>-</b>	<b>85.998.640.368</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>97.809.524.558</b>	<b>10.189.354.337</b>	<b>107.998.878.895</b>

Ban Điều hành đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Điều hành tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**28. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là là số liệu trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ là báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 đã được soát xét.



**Lưu Hoàng Long**  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2016

**Nguyễn Trung Dũng**  
Kế toán trưởng

**Vũ Văn Tuấn**  
Người lập biểu